

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG KHÁNH HÙNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG KHÁNH HÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH HUNG TRADING AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KHANH HUNG TRADING AND CONSTRUCTION CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108422945

**3. Ngày thành lập:** 06/09/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Căn số 3, Nhà G6, Khu A, Kho 708, Cụm 591 Quận đôi, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                   | 4722     |
| 2.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                            | 5022     |
| 3.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                          | 5021     |
| 4.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                 | 4631     |
| 5.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4721     |
| 6.  | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                             | 3230     |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                 | 4632     |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động dò mìn)                                                                                                                                                    | 4312     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)                                          | 4610     |
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản<br>(Trừ loại nhà nước cấm) | 4620     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4641 |
| 12. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4782 |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5229 |
| 14. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4211 |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính.<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649 |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                                                                           | 4299 |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                           | 4932 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Sản xuất bông đánh phấn và găng tay.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1399 |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4223 |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4781 |
| 22. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9610 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4752 |
| 24. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thuốc tân dược, đông dược;<br>- Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình;<br>- Bán lẻ nước hoa, nước thơm;<br>- Bán lẻ mỹ phẩm: sơn, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác;<br>- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4772 |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế<br>- Bán buôn sơn và véc ni<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn<br>- Bán buôn kính phẳng<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác<br>- Bán buôn bình đun nước nóng<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay | 4663 |
| 26. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4771 |
| 27. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4222 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.<br>(Trừ đầu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                      | 4791 |
| 29. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Sản xuất găng tay.                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3290 |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ quần áo (kể cả quần áo thể thao) đã qua sử dụng;<br>- Bán lẻ đồ phụ trợ hàng may mặc: khăn quàng, găng tay,...đã qua sử dụng.<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                           | 4774 |
| 31. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510 |
| 32. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610 |
| 33. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4311 |
| 34. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4633 |
| 35. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4101 |
| 36. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng nền móng tòa nhà, gồm đóng cọc<br>- Thử độ ẩm và các công việc thử nước<br>- Chống ẩm các tòa nhà<br>- Chôn chân trụ<br>- Xây gạch và đặt đá<br>- Lợp mái bao phủ tòa nhà<br>- Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng đỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng | 4390 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5225 |
| 38. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ thiết kế đồ thị; Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                       | 7410 |
| 39. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5630 |
| 40. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933 |
| 41. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4212 |
| 42. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4102 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 43. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773        |
| 44. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4221        |
| 45. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322        |
| 46. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330(Chính) |
| 47. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phân bón;<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 48. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210        |
| 49. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621        |
| 50. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN KHÁNH HÙNG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 14/09/1987

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 183642166

Ngày cấp: 09/11/2006

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hà Tĩnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 3, Xã Trung Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 3, Xã Trung Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN KHÁNH HÙNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *14/09/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *183642166*

Ngày cấp: *09/11/2006*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hà Tĩnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 3, Xã Trung Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 3, Xã Trung Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội